TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 27 - 3 - 2023
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trương Minh Thọ;

2.Ông Mai Phú

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Ngọc Phú - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh L *tham gia phiên tòa*: Bà Cao Thị Bích Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 634/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Cao Thị N**, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L.

Địa chỉ hiện trú: xóm H, xã T, huyện T, tỉnh N

Bị đơn: Anh **Nguyễn Bá T**, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Cao Thị N thì*: Chị và anh Nguyễn Bá T kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh N; hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà trọ ở thành phố Đ. Cuộc sống

chung hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh nhiều mẫu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cải nhau dẫn đến không thể nói chuyện chia sẽ được với nhau, anh T hay nhậu nhẹt và gây sự chửi bới xúc phạm chị và quát nạt các con, có mấy lần đã đánh chị, tuy nhiên chị không trình báo gì với chính quyền địa phương. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bá B, sinh ngày 19/8/2012 và Nguyễn Bá K, sinh ngày 31/8/2014. Hiện con đang sống cùng vợ chồng chị, ly hôn con có nguyện vọng được ở với ai thì đề nghị Tòa án giao con chung cho người đó được nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, hiện chị vợ chồng chị đã sống ly thân, nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh T. Về con chung chị N có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Bá B, sinh ngày 19/8/2012 và Nguyễn Bá K, sinh ngày 31/8/2014 theo nguyện vọng của các con và chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; chị N xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên toà sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên toà, đương sự vắng mặt đã được tống đạt thủ tục đầy đủ đúng quy định. Về nội dung giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị N, cho chị Cao Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Bá T; về con chung: Giao con chung là Nguyễn Bá B, sinh ngày 19/8/2012 và Nguyễn Bá K, sinh ngày 31/8/2014 cho chị N được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung chị N không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa chị Cao Thị N và anh Nguyễn Bá T kết hôn với nhau vào năm 2011, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn anh T hiện cư trú tại xã Xuân Trường, thành phố Đ, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Bá T đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn với nhau năm 2011 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã Minh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Theo trình bày của chị N thì vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung vợ chồng hay cải nhau, ngoài ra anh T hay nhậu nhẹt về nhà gây sự chửi bới đánh đập, xúc phạm chị và quát nạt các con, hiện nay chị đã dẫn các con về quê sống ở Nghệ An nên vợ chồng đã ly thân, nguyện vọng của chị xin ly hôn để ổn định cuộc sống lo cho các con. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với anh T để hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt đã chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị N xác định không còn tình cảm gì với anh T và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị N và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bá B, sinh ngày 19/8/2012 và Nguyễn Bá K, sinh ngày 31/8/2014 hiện các con đang sống cùng chị. Ly hôn chị N có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con đến khi thành niên; xét thấy cháu B, cháu K đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ, vì vậy cần giao con chung là Nguyễn Bá B và Nguyễn Bá K cho chị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con thành niên là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị N xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận phân chia, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Chị N xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Cao Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của nguyên đơn chị Cao Thị N đối với bị đơn anh Nguyễn Bá T.

Xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cao Thị N và anh Nguyễn Bá T được ly hôn.

2/Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Bá B, sinh ngày 19/8/2012 và Nguyễn Bá K, sinh ngày 31/8/2014 cho chị Cao Thị N có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/Về án phí: Chị Cao Thị N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002282 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, chị N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (27/3/2023). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản

án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND xã M, huyện Y, tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan